

**DANH SÁCH KHÁCH HÀNG TRÚNG ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI ĐIỂM DÂN CƯ SỐ 01 XÃ ỨNG HÒE
NHƯNG KHÔNG NỘP TIỀN VÀ NỘP TIỀN CHƯA ĐẦY ĐỦ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ ĐÚNG THỜI HẠN**

(Kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày /5/2022 của UBND huyện Ninh Giang)

Stt	Họ và Tên	Địa chỉ	Lô đất số	DT đất (m2)	Tổng số tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)	Tiền đặt trước đã thu (đồng)	Số tiền khách hàng đã nộp lần 1 (đồng)	Số tiền khách hàng đã nộp lần 2 (đồng)	Số tiền khách hàng còn lại phải nộp (đồng)
1	Hoàng Xuân Ngọc Hà	Thôn Bình Đê, xã Gia Khánh, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương	03	99.00	2,482,821,000	310,000,000	1,086,410,500	0	1,086,410,500
2	Nguyễn Nhật Linh	Thôn An Xá, xã Quốc Tuấn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	26	94.50	1,264,315,500	130,000,000	567,157,750	0	567,157,750
3	Bùi Thị Kiều Tâm	Thôn Phú Đan, xã Tân Hương, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	24	94.50	1,217,916,000	130,000,000	0	0	1,087,916,000
4	Mạc Văn Quân	Thôn An Xá, xã Quốc Tuấn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	23	94.50	1,196,937,000	130,000,000	0	0	1,066,937,000
Tổng Cộng				382.5	6,161,989,500	700,000,000	1,653,568,250		3,808,421,250

**DANH SÁCH KHÁCH HÀNG TRÚNG ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG 35 LÔ ĐẤT Ở TẠI ĐIỂM DÂN CƯ SỐ 01
XÃ ỨNG HÒE, HUYỆN NINH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

(Kèm theo Tờ trình số: 28/TTr-TNMT ngày 17/01/2022 của Phòng Tài nguyên và Môi trường)

Stt	Họ và Tên	Địa chỉ	Số CMND/ Căn cước/ Hộ chiếu/Ngày cấp/Nơi cấp	Lô đất số	DT đất (m2)	Giá khởi điểm (đồng/m2)	Số tiền theo giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước đã thu (đồng)	Giá tiền đặt mua (đồng/m2)	Số tiền theo giá đặt mua (đồng)	Chênh lệch (đồng)	Số tiền khách hàng còn lại phải nộp (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8=7x6	9	10	11=10x6	12=11-8	13=11-9
Vị trí 1 gồm 19 lô: Từ lô 01 đến lô 19												
1	Nguyễn Văn Quân	Thôn Đồng Hy, xã Ứng Hòe, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	030176004929 ngày cấp 21/8/2019. Nơi cấp Cục trưởng Cục Quản lý hành chính về trật tự xã hội	02	99.00	16,000,000	1,584,000,000	310,000,000	25,160,000	2,490,840,000	906,840,000	2,180,840,000
2	Hoàng Xuân Ngọc Hà	Thôn Bình Đê, xã Gia Khánh, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương	186703204 ngày cấp 16/3/2012. Nơi cấp Công an tỉnh Hải Dương	01	97.30	16,000,000	1,556,800,000	310,000,000	25,079,000	2,440,186,700	883,386,700	2,130,186,700
3	Hoàng Xuân Ngọc Hà	Thôn Bình Đê, xã Gia Khánh, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương	186703204 ngày cấp 16/3/2012. Nơi cấp Công an tỉnh Hải Dương	03	99.00	16,000,000	1,584,000,000	310,000,000	25,079,000	2,482,821,000	898,821,000	2,172,821,000
4	Tăng Bá Quang	Thôn Hoàng Xá 2, xã Quyết Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	141974882 ngày cấp 11/6/2013. Nơi cấp Công an tỉnh Hải Dương	04	99.00	16,000,000	1,584,000,000	310,000,000	25,028,000	2,477,772,000	893,772,000	2,167,772,000
5	Lê Gia Đông	Lô 54.83 Hoàng Quốc Việt, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	030081008371 ngày cấp 16/12/2019. Nơi cấp Cục trưởng Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	08	99.00	16,000,000	1,584,000,000	310,000,000	24,900,000	2,465,100,000	881,100,000	2,155,100,000
6	Nguyễn Huy Bể	Số 36 Nguyễn Chế Nghĩa, thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương	141697022 ngày cấp 25/7/2012. Nơi cấp Công an tỉnh Hải Dương	05	99.00	16,000,000	1,584,000,000	310,000,000	24,899,000	2,465,001,000	881,001,000	2,155,001,000
7	Đỗ Ngọc Thuyền	Đội 10 thôn Phú Khê, xã Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương	030086007486 ngày cấp 30/5/2018. Nơi cấp Cục trưởng Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	06	99.00	16,000,000	1,584,000,000	310,000,000	24,860,000	2,461,140,000	877,140,000	2,151,140,000
8	Đỗ Ngọc Thuyền	Đội 10 thôn Phú Khê, xã Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương	030086007486 ngày cấp 30/5/2018. Nơi cấp Cục trưởng Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	07	99.00	16,000,000	1,584,000,000	310,000,000	24,860,000	2,461,140,000	877,140,000	2,151,140,000
9	Đỗ Ngọc Thuyền	Đội 10 thôn Phú Khê, xã Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương	030086007486 ngày cấp 30/5/2018. Nơi cấp Cục trưởng Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	09	99.00	16,000,000	1,584,000,000	310,000,000	24,789,000	2,454,111,000	870,111,000	2,144,111,000
10	Đỗ Ngọc Thuyền	Đội 10 thôn Phú Khê, xã Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương	030086007486 ngày cấp 30/5/2018. Nơi cấp Cục trưởng Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	10	99.00	16,000,000	1,584,000,000	310,000,000	24,680,000	2,443,320,000	859,320,000	2,133,320,000
11	Đỗ Ngọc Thuyền	Đội 10 thôn Phú Khê, xã Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương	030086007486 ngày cấp 30/5/2018. Nơi cấp Cục trưởng Cục Quản lý hành chính về trật tự xã hội	13	99.00	16,000,000	1,584,000,000	310,000,000	24,680,000	2,443,320,000	859,320,000	2,133,320,000

Stt	Họ và Tên	Địa chỉ	Số CMND/ Căn cước/ Hệ chiếu/Ngày cấp/Nơi cấp	Lô đất số	DT đất (m2)	Giá khởi điểm (đồng/m2)	Số tiền theo giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước đã thu (đồng)	Giá tiền đặt mua (đồng/m2)	Số tiền theo giá đặt mua (đồng)	Chênh lệch (đồng)	Số tiền khách hàng còn lại phải nộp (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8=7x6	9	10	11=10x6	12=11-8	13=11-9
12	Đỗ Ngọc Thuần	Đội 10 thôn Phú Khê, xã Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương	030086007486 ngày cấp 30/5/2018. Nơi cấp Cục trưởng Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	14	99.00	16,000,000	1,584,000,000	310,000,000	24,580,000	2,433,420,000	849,420,000	2,123,420,000
13	Nguyễn Kiên Trinh	Thôn Quán, xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương	030075001816 ngày cấp 01/01/1975. Nơi cấp Cục trưởng Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	11	99.00	16,000,000	1,584,000,000	310,000,000	24,568,000	2,432,232,000	848,232,000	2,122,232,000
14	Nguyễn Thị Hạnh Tâm	Số nhà 78 Trần Nhật Duật, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	030185000040 ngày cấp 26/9/2013. Nơi cấp Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	12	99.00	16,000,000	1,584,000,000	310,000,000	24,555,000	2,430,945,000	846,945,000	2,120,945,000
15	Phạm Hữu Thanh	Thôn Phú, xã Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương	030080002531 ngày cấp 30/6/2020. Nơi cấp Cục trưởng Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	15	99.00	16,000,000	1,584,000,000	310,000,000	24,500,000	2,425,500,000	841,500,000	2,115,500,000
16	Vũ Văn Việt	Khu 8 thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương	030088006996 ngày cấp 16/10/2018. Nơi cấp Cục trưởng Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	18	99.00	16,000,000	1,584,000,000	310,000,000	24,389,000	2,414,511,000	830,511,000	2,104,511,000
17	Vũ Văn Việt	Khu 8 thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương	030088006996 ngày cấp 16/10/2018. Nơi cấp Cục trưởng Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	17	99.00	16,000,000	1,584,000,000	310,000,000	24,389,000	2,414,511,000	830,511,000	2,104,511,000
18	Lê Văn Cường	Thôn Lương Gián, xã Quốc Tuấn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	030084005023 ngày cấp 15/02/2017. Nơi cấp Cục trưởng Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	16	99.00	16,000,000	1,584,000,000	310,000,000	24,190,000	2,394,810,000	810,810,000	2,084,810,000
19	Lê Gia Trung	Khu I thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương	030074002495 ngày cấp 05/01/2017. Nơi cấp Cục trưởng Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	19	140.70	16,000,000	2,251,200,000	310,000,000	24,100,000	3,390,870,000	1,139,670,000	3,080,870,000

Vị trí 2 gồm 16 lô: Lô 20 và Từ lô 23 đến lô 37

1	Dương Thị Thanh Hồng	Thôn Phú Lộc, xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	030198003218 ngày cấp 25/7/2017. Nơi cấp Cục trưởng Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	20	94.50	7,000,000	661,500,000	130,000,000	16,210,000	1,531,845,000	870,345,000	1,401,845,000
2	Hoàng Xuân Tài	Thôn Phú Lộc, xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	030090006624 ngày cấp 26/20/2018. Nơi cấp Cục trưởng Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	37	108.70	7,000,000	760,900,000	130,000,000	15,815,000	1,719,090,500	958,190,500	1,589,090,500
3	Vũ Đại Dương	Thôn Bùi Xá, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương	030085004148 ngày cấp 16/8/2021. Nơi cấp Cục trưởng Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	36	94.50	7,000,000	661,500,000	130,000,000	14,899,000	1,407,955,500	746,455,500	1,277,955,500
4	Trần Thị Hường	Số 165 Khu La Xuyên, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	030187003129 ngày cấp 31/03/2017. Nơi cấp Cục trưởng Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	35	94.50	7,000,000	661,500,000	130,000,000	13,998,000	1,322,811,000	661,311,000	1,192,811,000

Stt	Họ và Tên	Địa chỉ	Số CMND/ Căn cước/ Hộ chiếu/Ngày cấp/Nơi cấp	Lô đất số	DT đất (m2)	Giá khởi điểm (đồng/m2)	Số tiền theo giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước đã thu (đồng)	Giá tiền đặt mua (đồng/m2)	Số tiền theo giá đặt mua (đồng)	Chênh lệch (đồng)	Số tiền khách hàng còn lại phải nộp (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8=7x6	9	10	11=10x6	12=11-8	13=11-9
5	Phạm Duy Thắng	Thôn Thượng Bì, xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương	030087001092 ngày cấp 07/11/2017. Nơi cấp Cục trưởng Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	34	94.50	7,000,000	661,500,000	130,000,000	13,810,000	1,305,045,000	643,545,000	1,175,045,000
6	Nguyễn Thị Duyên	Thôn Bù Xá, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương	142097532 ngày cấp 18/8/2008. Nơi cấp Công an tỉnh Hải Dương	33	94.50	7,000,000	661,500,000	130,000,000	13,638,000	1,288,791,000	627,291,000	1,158,791,000
7	Nguyễn Nhật Linh	Thôn An Xá, xã Quốc Tuấn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	030090011635 ngày cấp 25/3/2021. Nơi cấp Cục trưởng Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	30	94.50	7,000,000	661,500,000	130,000,000	13,579,000	1,283,215,500	621,715,500	1,153,215,500
8	Mai Thị Thu	Xã Hợp Tiến, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	141802250 ngày cấp 07/8/2010. Nơi cấp Công an tỉnh Hải Dương	29	94.50	7,000,000	661,500,000	130,000,000	13,560,000	1,281,420,000	619,920,000	1,151,420,000
9	Phạm Duy Thắng	Thôn Thượng Bì, xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương	030087001092 ngày cấp 07/11/2017. Nơi cấp Cục trưởng Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	28	94.50	7,000,000	661,500,000	130,000,000	13,488,000	1,274,616,000	613,116,000	1,144,616,000
10	Nguyễn Văn Hải	Thôn Đỗ Thượng, xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	030086004298 ngày cấp 11/4/2017. Nơi cấp Cục trưởng Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	27	94.50	7,000,000	661,500,000	130,000,000	13,456,000	1,271,592,000	610,092,000	1,141,592,000
11	Nguyễn Nhật Linh	Thôn An Xá, xã Quốc Tuấn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	030090011635 ngày cấp 25/3/2021. Nơi cấp Cục trưởng Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	26	94.50	7,000,000	661,500,000	130,000,000	13,379,000	1,264,315,500	602,815,500	1,134,315,500
12	Nguyễn Huy Bể	Số 36 Nguyễn Chế Nghĩa, thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương	141697022 ngày cấp 25/7/2012. Nơi cấp Công an tỉnh Hải Dương	25	94.50	7,000,000	661,500,000	130,000,000	12,999,000	1,228,405,500	566,905,500	1,098,405,500
13	Lê Gia Thu	Số 78 Nguyễn Chế Nghĩa, thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương	141791309 ngày cấp 20/05/2008. Nơi cấp Công an tỉnh Hải Dương	32	94.50	7,000,000	661,500,000	130,000,000	12,900,000	1,219,050,000	557,550,000	1,089,050,000
14	Bùi Thị Kiều Tâm	Thôn Phú Đan, xã Ninh Thành, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	030187007666 ngày cấp 16/8/2019. Nơi cấp Cục trưởng Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	24	94.50	7,000,000	661,500,000	130,000,000	12,888,000	1,217,916,000	556,416,000	1,087,916,000
15	Mạc Văn Quân	Thôn An Xá, xã Quốc Tuấn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	030084005106 ngày cấp 22/02/2017. Nơi cấp Cục trưởng Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	23	94.50	7,000,000	661,500,000	130,000,000	12,666,000	1,196,937,000	535,437,000	1,066,937,000
16	Đặng Văn Mừng	Thôn Đồng Lại, xã Ứng Hòe, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	030089007990 ngày cấp 13/8/2021. Nơi cấp Cục trưởng Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	31	94.50	7,000,000	661,500,000	130,000,000	12,345,000	1,166,602,500	505,102,500	1,036,602,500
Tổng Cộng					3,447.2		41,419,400,000	7,970,000,000		68,401,158,700	26,981,758,700	60,431,158,700

Stt	Họ và Tên	Địa chỉ	Số CMND/ Căn cước/ Hộ chiếu/Ngày cấp/Nơi cấp	Lô đất số	DT đất (m2)	Giá khởi điểm (đồng/m2)	Số tiền theo giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước đã thu (đồng)	Giá tiền đặt mua (đồng/m2)	Số tiền theo giá đặt mua (đồng)	Chênh lệch (đồng)	Số tiền khách hàng còn lại phải nộp (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8=7x6	9	10	11=10x6	12=11-8	13=11-9